

Series AQPU

Bánh xe tải nặng

Bọc QPU + Lõi nhôm

	Phạm vi nhiệt độ		-30°C to +70°C
	Độ di chuyển mượt mà		Tuyệt vời
	Âm lượng		Tốt
	Bảo vệ mặt sàn		Tốt



Mặt bánh

QPU là vật liệu PU có tính đàn hồi tốt, bánh xe sử dụng vật liệu này không chỉ giúp giảm lực cản lăn mà còn nâng cao khả năng thao tác máy móc. QPU có ba độ cứng khác nhau, bao gồm 75 độ, 85 độ và 90 độ, cả 3 đều có độ đàn hồi cao. Bánh xe QPU của Dersheng có tính năng chịu nước tốt, thích hợp sử dụng ở vùng nhiệt đới và ở môi trường làm việc ẩm ướt.

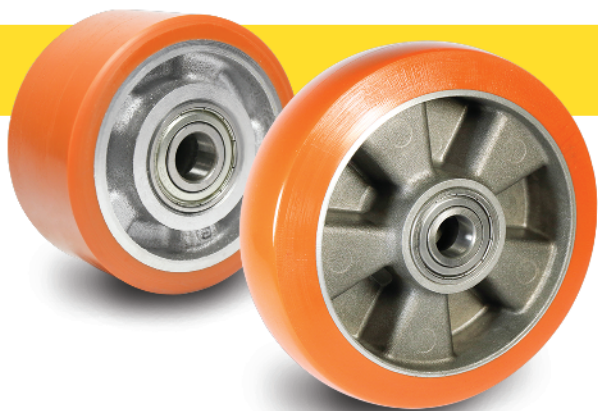
Đặc điểm

- Kháng hóa chất, dung môi và ăn mòn
- Chịu mài mòn
- Kháng vi sinh vật
- Chống đâm thấu
- Lực cản lăn thấp
- Nhiệt độ môi trường thích hợp: -30°C~+70°C
- Sử dụng trong điều kiện thông thường, không cần bảo trì

Lõi bánh xe

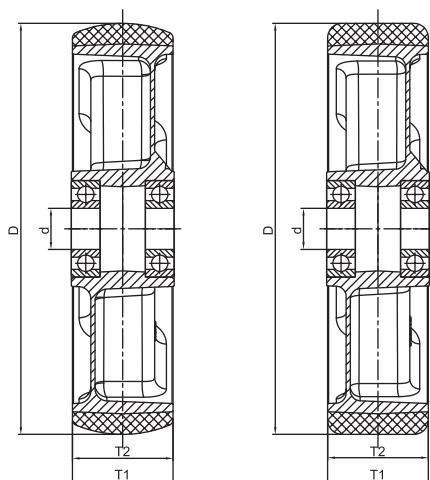
Lõi nhôm





Độ cứng : 90°Shore A (PANTONE 1605C)

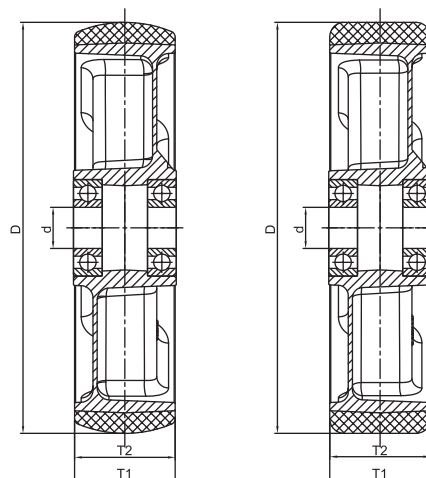
Mã sản phẩm	Đường kính bánh xe (D) [mm]	Bề rộng bánh xe (T2) [mm]	Tải trọng [kg(lbs)]	Đường kính trong của ổ lăn Ø(d) [mm]	Độ dài trục bánh (T1) [mm]	Mặt bánh	Ổ lăn
12036003130100	75	29	150kgs (330lbs)	17	29	Bề mặt cong	Ổ bi chính xác
12036003135771	75	30	160kgs (352lbs)	12	32		
12036003135871	75	30	160kgs (352lbs)	15	32		
12036003135171	80	30	180kgs (396lbs)	12	32		
12036003135271	80	30	180kgs (396lbs)	15	32		
12036004135171	100	31	230kgs (507lbs)	15	32		
12036004135271	100	31	230kgs (507lbs)	17	32		
12036004159171	100	36	325kgs (716lbs)	12	36		
12036004159271	100	36	325kgs (716lbs)	15	36		
12036004155171	100	40	350kgs (771lbs)	12	40		
12036004155271	100	40	350kgs (771lbs)	15	40		
12036005135171	125	31	280kgs (617lbs)	15	32		
12036005135271	125	31	280kgs (617lbs)	17	32		
12036005155171	125	40	350kgs (771lbs)	15	40		
12036005155271	125	40	350kgs (771lbs)	17	40		
12036005180100	125	40	350kgs (771lbs)	20	49		
12036006185171	150	42	450kgs (992lbs)	17	42		
12036006185271	150	42	450kgs (992lbs)	20	42		
12036056185171	160	42	500kgs (1102lbs)	17	42		
12036056185271	160	42	500kgs (1102lbs)	20	42		
12036007185171	180	44	600kgs (1323lbs)	20	44	Bề mặt phẳng	
12036007185271	180	44	600kgs (1323lbs)	25	44		
12036008205171	200	50	800kgs (1764lbs)	20	50		
12036008205271	200	50	800kgs (1764lbs)	25	50		
12036004205171	100	50	300kgs (661lbs)	17	50		
12036004205271	100	50	300kgs (661lbs)	20	50		
12036005205171	125	50	450kgs (992lbs)	17	50		
12036005205271	125	50	450kgs (992lbs)	20	50		
12036006205171	150	50	500kgs (1102lbs)	17	50		
12036006205271	150	50	500kgs (1102lbs)	20	50		
12036056005171	160	50	550kgs (1213lbs)	17	50		
12036056205271	160	50	550kgs (1213lbs)	20	50		
12036008205671	200	50	800kgs (1764lbs)	20	50		
12036008205771	200	50	800kgs (1764lbs)	25	50		

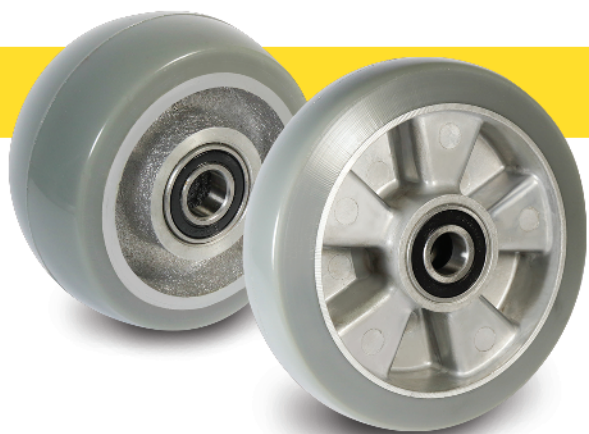




Độ cứng: 85°Shore A (PANTONE 2747C)

Mã sản phẩm	Đường kính bánh xe (D) [mm]	Bề rộng bánh xe (T2) [mm]	Tải trọng [kg(lbs)]	Đường kính trục của ổ lăn Ø(d) [mm]	Độ dài trục bánh (T1) [mm]	Mặt bánh	Ổ lăn
12036003130300	75	29	150kgs (330lbs)	17	29	Bề mặt cong	Ổ bi chính xác
12036003135971	75	30	160kgs (352lbs)	12	32		
12036003139171	75	30	160kgs (352lbs)	15	32		
12036003135371	80	30	180kgs (396lbs)	12	32		
12036003135471	80	30	180kgs (396lbs)	15	32		
12036004135371	100	31	220kgs (485lbs)	15	32		
12036004135471	100	31	220kgs (485lbs)	17	32		
12036004159371	100	36	300kgs (661lbs)	12	36		
12036004159471	100	36	300kgs (661lbs)	15	36		
12036004155571	100	40	325kgs (716lbs)	12	40		
12036004155671	100	40	325kgs (716lbs)	15	40		
12036005135371	125	31	250kgs (551lbs)	15	32		
12036005135471	125	31	250kgs (551lbs)	17	32		
12036005155371	125	40	350kgs (771lbs)	15	40		
12036005155471	125	40	350kgs (771lbs)	17	40		
12036005180200	125	40	300kgs (661lbs)	20	49		
12036006185371	150	42	425kgs (937lbs)	17	42		
12036006185471	150	42	425kgs (937lbs)	20	42		
12036056185371	160	42	475kgs (1047lbs)	17	42		
12036056185471	160	42	475kgs (1047lbs)	20	42		
12036007185371	180	44	550kgs (1213lbs)	20	44	Bề mặt phẳng	Ổ bi chính xác
12036007185471	180	44	550kgs (1213lbs)	25	44		
12036008205371	200	50	750kgs (1653lbs)	20	50		
12036008205471	200	50	750kgs (1653lbs)	25	50		
12036004205371	100	50	300kgs (661lbs)	17	50		
12036004205471	100	50	300kgs (661lbs)	20	50		
12036005205371	125	50	450kgs (992lbs)	17	50		
12036005205471	125	50	450kgs (992lbs)	20	50		
12036006205371	150	50	500kgs (1102lbs)	17	50		
12036006205471	150	50	500kgs (1102lbs)	20	50		
12036056205371	160	50	550kgs (1213lbs)	17	50		
12036056205471	160	50	550kgs (1213lbs)	20	50		
12036008205871	200	50	750kgs (1653lbs)	20	50		
12036008205971	200	50	750kgs (1653lbs)	25	50		





Độ cứng : 75°Shore A (PANTONE 425C)

Mã sản phẩm	Đường kính bánh xe (D) [mm]	Bề rộng bánh xe (T2) [mm]	Tải trọng [kg(lbs)]	Đường kính trục của ổ lăn Ø(d) [mm]	Độ dài trục bánh (T1) [mm]	Mặt bánh	Ổ lăn
12036003130400	75	29	150kgs (330lbs)	17	29	Bề mặt cong	Ổ bi chính xác
12036003139271	75	30	160kgs (352lbs)	12	32		
12036003139371	75	30	160kgs (352lbs)	15	32		
12036003135571	80	30	180kgs (396lbs)	12	32		
12036003135671	80	30	180kgs (396lbs)	15	32		
12036004135571	100	31	200kgs (440lbs)	15	32		
12036004135671	100	31	200kgs (440lbs)	17	32		
12036004159571	100	36	270kgs (595lbs)	12	36		
12036004159671	100	36	270kgs (595lbs)	15	36		
12036004155771	100	40	300kgs (661lbs)	12	40		
12036004155871	100	40	300kgs (661lbs)	15	40		
12036005135571	125	31	230kgs (507lbs)	15	32		
12036005135671	125	31	230kgs (507lbs)	17	32		
12036005155571	125	40	350kgs (771lbs)	15	40		
12036005155671	125	40	350kgs (771lbs)	17	40		
12036005180300	125	40	250kgs (551lbs)	20	49		
12036006185571	150	42	400kgs (881lbs)	17	42		
12036006185671	150	42	400kgs (881lbs)	20	42		
12036056185571	160	42	450kgs (991lbs)	17	42		
12036056185671	160	42	450kgs (991lbs)	20	42		
12036007185571	180	44	500kgs (1102lbs)	20	44	Bề mặt phẳng	Ổ bi chính xác
12036007185671	180	44	500kgs (1102lbs)	25	44		
12036008205571	200	50	700kgs (1543lbs)	20	50		
12036008209671	200	50	700kgs (1543lbs)	25	50		
12036004205571	100	50	300kgs (661lbs)	17	50		
12036004205671	100	50	300kgs (661lbs)	20	50		
12036005205571	125	50	450kgs (992lbs)	17	50		
12036005205671	125	50	450kgs (992lbs)	20	50		
12036006205571	150	50	500kgs (1102lbs)	17	50		
12036006205671	150	50	500kgs (1102lbs)	20	50		
12036056205571	160	50	550kgs (1213lbs)	17	50		
12036056205671	160	50	550kgs (1213lbs)	20	50		
12036008209871	200	50	700kgs (1543lbs)	20	50		
12036008209971	200	50	700kgs (1543lbs)	25	50		

